

Bản án số: 76/2024/DS-PT

Ngày: 02-02-2024

V/v tranh chấp chia thừa kế
là quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Hoàng

Các Thẩm phán: Ông Dương Hùng Quang

Ông Hồ Minh Tấn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Chơn - là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 518/2023/TLPT- DS ngày 17 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp chia thừa kế quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 351/2023/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 364/2023/QĐ-PT ngày 19 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:**

1. Bà Võ Ngọc T1, sinh năm: 1954. Địa chỉ: Khóm 4, phường 6, thành phố C, tỉnh C ..

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà T1: Bà Nguyễn Thị Thúy – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau. (Có mặt).

2. Bà Võ Kiều O, sinh năm: 1971. Địa chỉ: Số 66/3, đường Lý Văn Lâm, khóm 5, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

3. Bà Võ Thúy L1, sinh năm: 1967. Địa chỉ: Phường 8, thành phố C, tỉnh C ..

4. Bà Võ Ngọc D1, sinh năm: 1966. Địa chỉ: Ấp 9, xã K, huyện T, tỉnh C ..

5. Bà Võ Thị C, sinh năm: 1954. Địa chỉ: Khóm 5, phường 1, thành phố C, tỉnh C ..

Người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Ngọc T1, bà Võ Kiều O, bà Võ Thị C, bà Võ Thúy L1: Bà Võ Ngọc D1, sinh năm: 1966. Địa chỉ: Ấp 9, xã K, huyện T, tỉnh C .. (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Võ Văn D2, sinh năm: 1956. Địa chỉ: Ấp 9, xã K, huyện T, tỉnh C .. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Ngô Đình Chiến – Luật sư Văn phòng Luật sư Ngô Đình Chiến thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà Mau. (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Võ Phi H, sinh năm: 1954. Địa chỉ: Ấp Kinh Chùa, xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. (Có mặt).

2. Bà Võ Thị Tổ Anh, sinh năm: 1951. Địa chỉ: Ấp 8, xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. (Vắng mặt).

3. Bà Võ Hồng P, sinh năm: 1990. Địa chỉ: Ấp 8, xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau. (Vắng mặt).

4. Bà Võ Thúy Liễu, sinh năm 1971. Địa chỉ: Khóm 6, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. (Có mặt).

5. Bà Võ Thị Tổ Q, sinh năm 1983. Địa chỉ: Khóm 6, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. (Vắng mặt).

6. Bà Dương Tú T2, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số 70, đường Lý Văn Lâm, khóm 5, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. (Vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Võ Ngọc D1 là nguyên đơn, ông Võ Văn D2 là bị đơn, ông Võ Phi H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn trình bày:*

Cụ Võ Văn Diễm và cụ Dương Thị Ngó có tất cả là 08 người con, gồm: ông Võ Văn Sang (Đã chết năm 2018, ông Sang có vợ là Võ Thị Tổ Anh, các

con là Võ Thúy Liễu, Võ Thị Tô Q, Võ Hồng P, Võ Mai Xuân); bà Võ Ngọc T1, ông Võ Phi H, bà Võ Thị C, ông Võ Văn D2, bà Võ Ngọc D1, bà Võ Thúy L1, bà Võ Kiều O.

Quá trình chung sống cụ Diễm và cụ Ngó có tạo lập được 01 phần đất, tọa lạc tại ấp 9, xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời tỉnh Cà Mau. Năm 1991, khi thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ Diễm và cụ Ngó đứng tên diện tích 30.000m², ông D2 đứng tên diện tích 40.000m². Cụ Diễm và cụ Ngó chung sống cùng ông D2. Tuy nhiên, cụ Diễm và cụ Ngó tự canh tác phần đất do các cụ đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 1997, cụ Diễm chết.

Năm 2001, cụ Ngó cho ông D2 thuê phần đất diện tích 30.000m² đến năm 2017, giá thuê mỗi năm là 15.000.000 đồng, khoản tiền cho thuê đất dùng vào chi phí trị bệnh cho bà Ngó. Tuy nhiên, do chi phí cho việc điều trị bệnh cho cụ Ngó không đủ nên các chị em thống nhất với nhau mượn của ông Võ Phi H 05 chỉ vàng 24k, nhờ chị Dương Tú T2 vay tiền ngân hàng số tiền gốc là 200.000.000 đồng (Trong đó dùng điều trị bệnh hết 160.000.000 đồng, 40.000.000 đồng dùng vào chi phí mai táng). Phần tiền này do các chị em gái đứng ra nhờ bà T2 vay giùm, có bàn bạc với ông H, không bàn với ông D2 nhưng ông D2 cũng có biết việc này).

Cụ Ngó chết không để lại di chúc. Do đó, bà Võ Ngọc T1, bà Võ Thị C, bà Võ Ngọc D1, bà Võ Thúy L1 và bà Võ Kiều O yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật đối với phần đất do cụ Võ Văn Diễm đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có diện tích 30.000m², theo đo đạc thực tế có diện tích 28.618,1m², đất tọa lạc tại ấp 9, xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau, yêu cầu được chia kỹ phần là đất, đồng ý nhận vị trí từ hậu (Kính cùng), giao phần mặt tiền có nhà, công trình cho ông D2. Đồng ý hoàn lại thành quả lao động trên đất cho ông D2, đồng ý chịu toàn bộ chi phí tố tụng. Yêu cầu các đồng thừa kế có nhận di sản thừa kế phải có nghĩa vụ thanh toán số nợ 05 chỉ vàng 24K cho ông Võ Phi H và 245.000.000 đồng (Trong đó 45.000.000 đồng là tiền lãi) cho bà Dương Tú T2.

- Bị đơn là ông Võ Văn D2 trình bày:

Về mối quan hệ gia đình như bà D1 trình bày là đúng. Tuy nhiên, về nguồn gốc đất thì cụ Diễm và cụ Ngó chỉ tạo được phần đất khoảng 56.000m². Năm 1992, khi thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ Diễm và cụ Ngó đứng tên diện tích 30.000m², còn lại cha mẹ ông cho ông nên ông đứng tên diện tích hơn 25.000m², nhưng ông cũng có trả lại cho cha mẹ 60 chỉ vàng 24k. Đến năm 1996, cụ Diễm thể hiện ý chí muốn giao toàn bộ phần đất này lại cho ông, có ghi hình lại tại buổi mừng thọ cho cụ Diễm. Do ông sống chung với cha mẹ, được cho đứng tên quyền sử dụng đất nhưng thực tế cụ Diễm và cụ Ngó vẫn quản lý phần thu nhập toàn bộ 2 phần đất. Đến khoảng năm

2013, cụ Ngó giao lại cho ông hưởng hoa lợi trên đất và có nghĩa vụ trả cho cụ Ngó 15.000.000 đồng mỗi năm, ông đưa phần tiền này cho cụ Ngó đủ đến khi cụ chết. Sau khi cụ Ngó chết, do các chị em gái yêu cầu, ông H đồng ý nên ông đồng ý tặng cho lại các chị em một phần trong phần đất của cha mẹ, nhưng do không thỏa thuận được vị trí nên dẫn đến tranh chấp. Phần đất hiện tại do ông đang quản lý sử dụng, không thể chấp cầm cố cho cá nhân, tổ chức nào. Do năm 1996 cụ Diễm có thể hiện ý chí giao lại toàn bộ tài sản cho ông nên ông không đồng ý yêu cầu chia thừa kế phần đất của cụ Diễm theo yêu cầu của các nguyên đơn.

Đối với số vàng mượn của ông H ông đồng ý trả cho ông H. Khi cụ Ngó chết thì các chị em có đưa ra số tiền 40.000.000 đồng để chi phí mai táng cho cụ Ngó và nói số tiền đó là do vay sử dụng còn lại. Đối với số tiền này ông xác định việc các chị em gái nhờ chị T2 vay tiền ông không biết, về thời gian vay, số tiền vay theo ông là không hợp lý, Tuy nhiên, các chị em cho rằng số tiền vay dùng vào việc điều trị, chăm sóc cho cụ Ngó nên ông đồng ý cùng có trách nhiệm thanh toán cho chị T2.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Phi H trình bày:

Về mối quan hệ gia đình như bà D1, ông D2 trình bày là đúng. Vào năm 1996, nhân dịp tổ chức sinh nhật cho cụ Diễm, cụ Diễm có thể hiện ý chí cho phần đất có tranh chấp toàn bộ cho ông D2, có ghi hình ghi âm và cụ Diễm có kêu ông lập thành văn bản, nhưng hiện nay văn bản không còn, tại buổi nói chuyện có mặt các anh chị em, vắng mặt bà C và bà O. Ông xác định phần đất có tranh chấp cha mẹ ông đã cho ông D2, ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, không yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất do cụ Diễm đứng tên giấy chứng nhận. Đối với 05 chỉ vàng 24k, ông có cho các chị em mượn lo cho mẹ, ông không yêu cầu khởi kiện tại vụ án này, trường hợp có tranh chấp ông khởi kiện thành vụ án khác. Đối với yêu cầu của chị T2, do ông không nhận di sản thừa kế nên không nhận trách nhiệm thanh toán nợ phía chị T2 yêu cầu. Do công việc gia đình, không đảm bảo việc đến Tòa án nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ông.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Tố Anh, bà Võ Hồng P, Võ Thị Tố Q, Võ Thuý Liễu thống nhất trình bày:

Bà Võ Thị Tố Anh là vợ của ông Võ Văn Sang, chị Võ Hồng P, Võ Thị Tố Q, Võ Thuý Liễu là các con của ông Võ Văn Sang (Đã chết) không có yêu cầu đối với di sản thừa kế, không nhận trách nhiệm thanh toán nợ của cụ Diễm và cụ Ngó. Do công việc gia đình đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Dương Tú T2 trình bày:

Chị Dương Tú T2 là cháu ngoại ruột cụ Ngó, cụ Diễm, là con bà Võ Thị C. Do cụ Ngó bệnh nặng, chi phí điều trị nhiều và kéo dài nên vào tháng 9 năm 2020,

ông H, bà T1, bà D1, bà C, bà L1, bà O thống nhất, bàn bạc nhờ chị T2 vay tiền Ngân hàng để lấy số tiền 200.000.000 đồng để làm chi phí điều trị cho cụ Ngó (Số tiền vay rút 02 lần, tháng 9/2020 rút 100.000.000 đồng, tháng 10/2020 rút 100.000.000 đồng). Sau khi vay các dì có hùn tiền đưa cho chị T2 trả lãi được 02 tháng, từ đó đến nay không có trả lãi. Do khi vay tiền, chị T2 vay cùng với khoản vay khác của riêng chị T2 nên không xác định khoản lãi chính xác, tính tương đối khoảng 70 triệu đến 80 triệu. Tuy nhiên, chị yêu cầu các đồng thừa kế của cụ Diễm và cụ Ngó có trách nhiệm thanh toán lại cho chị T2 200.000.000 đồng nợ gốc và 45.000.000 đồng tiền lãi.

Từ nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số: 351/2023/DS-ST ngày 22/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia cho bà Võ Ngọc T1, bà Võ Thị C, bà Võ Ngọc D1, bà Võ Thúy L1, bà Võ Kiều O mỗi người phần đất diện tích 4.088,3m² (Bà T1 thừa số 4, bà C Thừa số 4, bà D1 thừa số 5, bà L1 thừa số 6, bà O thừa số 7). Chia cho ông Võ Văn D2 phần đất diện tích 8.176 m² (Vị trí M5N10N5M4). Phần đất trên tọa lạc tại ấp 9, xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (Có kèm theo sơ đồ đo đạc).

2. Các đương sự được quyền quản lý, sử dụng đối với tài sản, cây trồng gắn liền trên phần đất được chia. Buộc bà Võ Ngọc T1, bà Võ Thị C, bà Võ Ngọc D1, bà Võ Thúy L1, bà Võ Kiều O mỗi người phải trả cho ông Võ Văn D2 thành quả lao động số tiền 3.821.000 đồng (Ba triệu tám trăm hai mươi một ngàn đồng).

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của chị Dương Tú T2, buộc bà Võ Ngọc T1, bà Võ Thị C, ông Võ Văn D2, bà Võ Ngọc D1, bà Võ Thúy L1, bà Võ Kiều O mỗi người phải thanh toán cho chị Dương Tú T2 số tiền 40.833.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên lãi suất do chậm thi hành, chi phí tố tụng án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05 tháng 10 năm 2023, bị đơn là ông Võ Văn D2 và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Võ Phi H có đơn kháng cáo yêu cầu hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 351/2023/DS – ST ngày 22/9/2023 của Tòa án Nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 09 tháng 10 năm 2023, nguyên đơn là bà Võ Ngọc D1 có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chia di sản làm 06 kỷ phần mỗi người được hưởng 4.769,8 m²/kỷ phần.

Tại phiên toà phúc thẩm, những người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm: Về thủ tục tố tụng đã được tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Ngọc D1, ông Võ Phi H, ông Võ Văn D2; giữ y Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét về quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là yêu cầu khởi kiện tranh chấp yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất nên Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời thụ lý và giải quyết vụ án dân sự là đúng thẩm quyền.

[2] Tại đơn kháng cáo cũng như tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Võ Ngọc D1 yêu cầu chấp nhận yêu cầu kháng cáo sửa Bản án sơ thẩm và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do: Theo quy định tại Điều 651 Bộ luật Dân sự thì những người thừa kế cùng hàng phải được hưởng phần di sản bằng nhau nên phần di sản phải được chia 06 kỷ phần cho bà T1, bà C, bà L1, bà O, ông D2 mỗi người 01 kỷ phần = 4.769,68 m².

Thấy rằng: Ông Võ Văn D2 là con út sống chung nhà với cụ Diễm, cụ Ngó đã có công quản lý và canh tác phần đất và cũng là người thờ cúng cha mẹ. Do đó Bản án sơ thẩm chia phần di sản thành 07 kỷ phần bằng nhau và mỗi kỷ phần đất có diện tích 4.088,3m², trong đó ông D2 được nhận 02 kỷ phần là có căn cứ và phù hợp.

Xét kháng cáo yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm của ông Võ Phi H với lý do ông yêu cầu không đem phần đất tranh chấp ra chia thừa kế vì cha mẹ đã tặng cho ông Võ Văn D2 chứ không phải không yêu cầu được hưởng thừa kế. Tại biên bản ngày 21/04/2023 ghi nhận nội dung như vậy là do ông không được nghe đọc lại biên bản mà Tòa án nói ông ký vào, ông nghĩ là đất này đã tặng cho em ông là ông Võ Văn D2 nên không chia thừa kế còn nếu có chia thì ông cũng có phần nên ký vào. Tòa án cấp sơ thẩm không chia cho ông đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của ông.

Thấy rằng tại hồ sơ thể hiện ngoài biên bản ngày 21/4/2023 nêu trên thì tại bản tự khai của ông Võ Văn Hùng tự viết ngày 19/12/2022 cũng thể hiện nội dung: "...Về việc yêu cầu chia thừa kế thì tôi không yêu cầu...". Tại biên bản hòa giải ngày 30/01/2023 ở phần trình bày của ông H cũng có nội dung "...không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không yêu cầu chia thừa kế...". Do đó lý do kháng cáo của ông Võ Văn Hùng để yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm là không có căn cứ chấp nhận.

Xét kháng cáo của bị đơn ông Võ Văn D2 yêu cầu hủy án sơ thẩm với lý do Tòa án không giải thích để ông phản tố yêu cầu các đồng thừa kế phải thanh toán số tiền ông đã chu cấp để nuôi mẹ ông.

Thấy rằng vấn đề này ông D2 không có đặt ra và cũng không yêu cầu tại cấp sơ thẩm, nên cấp sơ thẩm chưa xem xét giải quyết cho ông là đúng quy định. Hơn nữa, án sơ thẩm cũng đã xem xét và chia cho ông được hưởng 02 kỷ phần cũng là đã có xem xét đến công sức của ông đã góp phần quản lý canh tác phần đất này cùng cha mẹ. Do vậy đối với yêu cầu hủy án sơ thẩm để về yêu cầu số tiền ông chu cấp cho mẹ là không có căn cứ.

[3] Từ những nhận định như đã nêu trên nên quyết định của Bản án sơ thẩm là có cơ sở, phù hợp quy định pháp luật nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Võ Ngọc D1, ông Võ Văn D2, ông Võ Phi H.

Ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tại phiên tòa là phù hợp, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Võ Ngọc D1, ông Võ Văn D2, ông Võ Phi H. Cần giữ y Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Về án phí dân sự phúc thẩm người kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu theo quy định. Nguyên đơn bà Võ Ngọc D1 phải chịu theo quy định. Bị đơn ông Võ Văn D2, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Võ Phi H có đơn xin miễn và thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định nên đã được xét miễn nộp.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Võ Ngọc D1, ông Võ Văn D2, ông Võ Phi H.

Giữ y Bản án dân sự sơ thẩm số: 351/2023/DS-ST ngày 22 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia cho bà Võ Ngọc T1, bà Võ Thị C, bà Võ Ngọc D1, bà Võ Thúy L1, bà Võ Kiều O mỗi người phần đất diện tích 4.088,3m² (Bà T1 thừa số 3, bà C Thừa số 4, bà D1 thừa số 5, bà L1 thừa số 6, bà O thừa số 7). Chia cho ông Võ Văn D2 phần đất diện tích 8.176 m² (Vị trí M5N10N5M4). Phần đất trên toạ lạc tại ấp 9, xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (Có kèm theo sơ đồ đo đạc).

2. Các đương sự được quyền quản lý, sử dụng đối với tài sản, cây trồng gắn liền trên phần đất được chia. Buộc bà Võ Ngọc T1, bà Võ Thị C, bà Võ Ngọc D1, bà Võ Thúy L1, bà Võ Kiều O mỗi người phải trả cho ông Võ Văn D2 thành quả lao động số tiền 3.821.000 đồng (Ba triệu tám trăm hai mươi một ngàn đồng).

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện độc lập của chị Dương Tú T2, buộc bà Võ Ngọc T1, bà Võ Thị C, ông Võ Văn D2, bà Võ Ngọc D1, bà Võ Thúy L1, bà Võ Kiều O mỗi người phải thanh toán cho chị Dương Tú T2 số tiền 40.833.000 đồng.

Đối với các khoản tiền nêu trên, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không tự nguyện thi hành xong khoản tiền phải thanh toán thì còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

4. Về chi phí tố tụng: Bà Võ Ngọc T1, bà Võ Thị C, bà Võ Ngọc D1, bà Võ Thúy L1, bà Võ Kiều O phải chịu số tiền 29.315.250 đồng (Hai mươi chín triệu ba trăm mười lăm nghìn hai trăm năm mươi đồng) đã nộp xong.

5. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Võ Ngọc T1, bà Võ Thị C, ông Võ Văn D2 được miễn án phí.

+ Bà Võ Ngọc D1, bà Võ Thúy L1, bà Võ Kiều O mỗi người phải chịu án phí số tiền 12.281.000 đồng (Mười hai triệu hai trăm tám mươi một ngàn đồng). Bà Võ Ngọc D1, Võ Thúy Lan, Võ Kiều O mỗi người có nộp tạm ứng án phí số tiền 3.750.000 đồng (Ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) bà Võ Ngọc D1 theo biên lai số 5825, Võ Thúy Lan theo biên lai số 5823, Võ Kiều O theo biên lai số 5823 ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được đối trừ, số còn lại phải nộp tiếp.

+ Chị Dương Tú T2 không phải chịu án phí. Chị T2 có nộp tạm ứng án phí số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) theo biên lai số 6068 ngày 05 tháng 12 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được trả lại.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

+ Nguyên đơn bà Võ Ngọc D1 phải nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Ngày 09 tháng 10 năm 2023, bà Võ Ngọc D1 đã dự nộp tạm ứng án phí phúc thẩm số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007476 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu đối trừ.

+ Bị đơn ông Võ Văn D2 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Phi H đã được xét miễn nộp theo quy định do là người cao tuổi.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Châu Minh Hoàng

